

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 23

TH  
E  
2018

3/1  
C  
C  
JE  
/2/

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện và thiết bị chữa cháy.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Nhu	Thành viên
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên
Ông Lê Văn Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Nam	Thành viên
Ông Võ Văn Chính	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban
Bà Cái Kim Thoa	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Cúc Phương	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Tổng Giám đốc
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Nhu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yung Cam Meng.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Siêu Thanh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

**Building a better  
working world**

Số tham chiếu: 61194318/18714858/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Siêu Thanh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 5 đến trang 23, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Ernest Young Chin Kang  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số 1891-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>91.795.923.356</b>	<b>105.423.896.097</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>87.211.336.859</b>	<b>80.176.517.508</b>
111	1. Tiền		3.376.974.212	295.600.841
112	2. Các khoản tương đương tiền		83.834.362.647	79.880.916.667
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.584.586.497</b>	<b>24.960.675.085</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	540.448.031	272.072.241
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	20.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	3.671.330.000	24.332.140.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	393.025.028	365.580.004
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(20.216.562)	(29.117.160)
<b>150</b>	<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>-</b>	<b>286.703.504</b>
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	-	286.703.504
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>229.281.192.506</b>	<b>223.259.558.485</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>762.125.000</b>	<b>882.125.000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	140.000.000	260.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	622.125.000	622.125.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>-</b>	<b>524.801.995</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	-	524.801.995
222	Nguyên giá		-	1.007.617.995
223	Giá trị khấu hao lũy kế		-	(482.816.000)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>9</b>	<b>82.977.330.006</b>	<b>84.112.818.780</b>
231	1. Nguyên giá		98.106.027.611	98.106.027.611
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(15.128.697.605)	(13.993.208.831)
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>145.392.800.000</b>	<b>137.518.611.210</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		137.312.000.000	130.312.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.080.800.000	8.080.800.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(874.188.790)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>148.937.500</b>	<b>221.201.500</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		148.937.500	221.201.500
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>321.077.115.862</b>	<b>328.683.454.582</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.561.657.508</b>	<b>7.731.367.939</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.477.886.508</b>	<b>6.647.596.939</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		244.444.444	-
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.251.626.343	1.113.512.859
314	3. Phải trả người lao động		-	315.304.500
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		20.000.000	30.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	1.297.422.998	1.524.386.857
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.083.771.000</b>	<b>1.083.771.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	12	1.083.771.000	1.083.771.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>313.515.458.354</b>	<b>320.952.086.643</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>13.1</b>	<b>313.515.458.354</b>	<b>320.952.086.643</b>
411	1. Vốn cổ phần		197.855.490.000	165.492.090.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		197.855.490.000	165.492.090.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	2.572.620.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(2.206.190.840)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	17.682.346.542
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		115.659.968.354	137.411.220.941
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		90.120.178.643	87.234.367.553
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		25.539.789.711	50.176.853.388
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>321.077.115.862</b>	<b>328.683.454.582</b>

  
Dương Thị Thanh Trúc  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.1	3.874.909.090	7.210.726.111
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	14.1	-	(2.177.110)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.1	3.874.909.090	7.208.549.001
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	15	1.135.488.774	4.025.043.748
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.739.420.316	3.183.505.253
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	24.829.144.509	13.888.543.974
22	7. Chi phí tài chính	16	(874.188.790)	(1.667.329.477)
25	8. Chi phí bán hàng		382.043.100	24.075.268
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	1.446.392.193	1.646.203.874
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.614.318.322	17.069.099.562
31	11. Thu nhập khác		60.158.005	344.821.817
32	12. Chi phí khác		326.191.351	332.172.796
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(266.033.346)	12.649.021
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.348.284.976	17.081.748.583
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	808.495.265	1.056.616.303
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế		25.539.789.711	16.025.132.280

  
Dương Thị Thanh Trúc  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>26.348.284.976</b>	<b>17.081.748.583</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9	1.240.448.774	1.460.481.774
03	Hoàn nhập dự phòng		(883.089.388)	(1.870.887.608)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(24.855.008.568)	(14.161.225.097)
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>1.850.635.794</b>	<b>2.510.117.652</b>
09	Giảm các khoản phải thu		1.410.924.694	17.786.957.388
11	Giảm các khoản phải trả		(554.424.753)	(16.429.833.339)
12	Giảm chi phí trả trước		72.264.000	503.792.434
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19.1	(1.250.237.043)	(6.109.613.316)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.529.162.692</b>	<b>(1.738.579.181)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		480.000.000	1.495.454.545
23	Tiền chi cho vay		-	(10.087.000.000)
24	Tiền thu hồi từ cho vay		19.500.000.000	8.500.000.000
25	Tiền chi góp vốn vào công ty con		(7.000.000.000)	-
27	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.675.618.559	13.491.269.277
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>37.655.618.559</b>	<b>13.399.723.822</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức đã trả	13.2	(32.149.961.900)	(13.060.507.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(32.149.961.900)</b>	<b>(13.060.507.000)</b>
50	<b>Tăng (giảm) thuần tiền và tương đương tiền trong kỳ</b>		<b>7.034.819.351</b>	<b>(1.399.362.359)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>80.176.517.508</b>	<b>56.962.391.455</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	4	<b>87.211.336.859</b>	<b>55.563.029.096</b>

  
Dương Thị Thanh Trúc  
Người lập

  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng



  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Siêu Thanh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện và thiết bị chữa cháy. Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 10 (31 tháng 12 năm 2015: 8).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 10. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

**2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	4 năm
---------------------	-------

**3.4 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.5 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.6 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.8 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ), được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận lãi hoặc lỗ khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

**3.10 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	9.202.517	3.000.578
Tiền gửi ngân hàng	3.367.771.695	292.600.263
Các khoản tương đương tiền	83.834.362.647	79.880.916.667
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>87.211.336.859</b>	<b>80.176.517.508</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng với gốc kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,0% đến 5,4% một năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 20</i> )	358.000.000	-
Các bên khác	182.448.031	272.072.241
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>540.448.031</b>	<b>272.072.241</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.216.562)	(29.117.160)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>520.231.469</b>	<b>242.955.081</b>

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.671.330.000</b>	<b>24.332.140.000</b>
Bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 20</i> )	3.000.000.000	22.500.000.000
Nhân viên	671.330.000	1.832.140.000
<b>Dài hạn</b>	<b>140.000.000</b>	<b>260.000.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.811.330.000</b>	<b>24.592.140.000</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>	<b>393.025.028</b>	<b>365.580.004</b>
Lãi tiền gửi	360.673.505	241.441.501
Phải thu khác	32.351.523	124.138.503
<b>Dài hạn - Ký quỹ, ký cược</b>	<b>622.125.000</b>	<b>622.125.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.015.150.028</b>	<b>987.705.004</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	VND
	<i>Phương tiện vận tải</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.007.617.995
Thanh lý	<u>(1.007.617.995)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>-</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(482.816.000)
Khấu hao trong kỳ	(104.960.000)
Thanh lý	<u>587.776.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>-</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>524.801.995</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>-</u>

**9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	VND		
	<i>Nhà cửa</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 30 tháng 6 năm 2016	<u>35.354.686.751</u>	<u>62.751.340.860</u>	<u>98.106.027.611</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.461.421.000	-	1.461.421.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(9.692.264.831)	(4.300.944.000)	(13.993.208.831)
Hao mòn trong kỳ	<u>(597.870.774)</u>	<u>(537.618.000)</u>	<u>(1.135.488.774)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>(10.290.135.605)</u>	<u>(4.838.562.000)</u>	<u>(15.128.697.605)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>25.662.421.920</u>	<u>58.450.396.860</u>	<u>84.112.818.780</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>25.064.551.146</u>	<u>57.912.778.860</u>	<u>82.977.330.006</u>

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 14.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30 tháng 6 năm 2016		31 tháng 12 năm 2015	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư vào các công ty con (i)		137.312.000.000		130.312.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.080.800.000		8.080.800.000
Trong đó:				
Công ty Cổ phần Điện Cơ	258.900	3.580.800.000	258.900	3.580.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư kinh doanh điện lực TP HCM	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-		(874.188.790)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>145.392.800.000</b>		<b>137.518.611.210</b>

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	30 tháng 6 năm 2016		31 tháng 12 năm 2015	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh	79.200.000.000	90,00	79.200.000.000	90,00
Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh	28.520.000.000	55,06	28.520.000.000	55,06
Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh	22.592.000.000	58,23	22.592.000.000	58,23
Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn	7.000.000.000	70,00	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>137.312.000.000</b>		<b>130.312.000.000</b>	

Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh (“TBVP Siêu Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312992783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của TBVP Siêu Thanh là mua bán thiết bị văn phòng, máy fax, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in.

Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh (“Ô tô Kim Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Kim Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh (“Ô tô Cường Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0305273107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Cường Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn (“Nam Thanh Sài Gòn”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313525196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 11 năm 2015, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Nam Thanh Sài Gòn là kinh doanh và lắp đặt máy điều hòa không khí, các sản phẩm điện lạnh, thang máy và máy phát điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 19.1)	1.013.363.556	808.495.265	(1.250.237.043)	571.621.778
Thuế thu nhập cá nhân	(286.703.504)	1.820.496.464	(996.301.664)	537.491.296
Thuế giá trị gia tăng	100.149.303	552.904.612	(510.540.646)	142.513.269
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>826.809.355</b>	<b>3.181.896.341</b>	<b>(2.757.079.353)</b>	<b>1.251.626.343</b>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế nộp thừa	(286.703.504)			-
Thuế phải trả	1.113.512.859			1.251.626.343

**12. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.297.422.998</b>	<b>1.524.386.857</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	880.580.543	641.755.325
Thu hộ	401.474.360	870.917.007
Cổ tức phải trả	13.988.825	11.714.525
Khác	1.379.270	-
<b>Dài hạn - Nhận ký quỹ, ký cược</b>	<b>1.083.771.000</b>	<b>1.083.771.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.381.193.998</b>	<b>2.608.157.857</b>

## Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 13.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	138.013.850.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	17.682.346.542	128.452.992.553	284.515.618.255
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	16.025.132.280	16.025.132.280
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(13.740.385.000)	(13.740.385.000)
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	<b>138.013.850.000</b>	<b>2.572.620.000</b>	<b>(2.206.190.840)</b>	<b>17.682.346.542</b>	<b>130.737.739.833</b>	<b>286.800.365.535</b>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	165.492.090.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	17.682.346.542	137.411.220.941	320.952.086.643
Phát hành cổ phiếu thưởng (*)	32.363.400.000	(366.429.160)	-	(17.682.346.542)	(14.314.624.298)	-
Phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	(2.206.190.840)	2.206.190.840	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	25.539.789.711	25.539.789.711
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(32.976.418.000)	(32.976.418.000)
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	<b>197.855.490.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>115.659.968.354</b>	<b>313.515.458.354</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2015 ngày 26 tháng 4 năm 2016, cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu bằng 20% mệnh giá kết hợp chia cổ phiếu quỹ bằng nguồn vốn đối ứng từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư và phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu trên vào ngày 26 tháng 6 năm 2016, và được chấp thuận theo Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 8 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**13.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Vốn cổ phần</b>		
Vốn đầu kỳ	165.492.090.000	138.013.850.000
Tăng trong kỳ	32.363.400.000	-
<b>Vốn cuối kỳ</b>	<b>197.855.490.000</b>	<b>138.013.850.000</b>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức đã công bố	32.976.418.000	13.740.385.000
Cổ tức đã trả	32.149.961.900	13.060.507.000

**13.3 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Số cổ phiếu Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	19.785.549	16.549.209
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	19.785.549	16.549.209
Cổ phiếu quỹ	-	(61.000)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.785.549	16.488.209

**14. DOANH THU**

**14.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.874.909.090</b>	<b>7.210.726.111</b>
<i>Trong đó:</i>		
Tiền cho thuê	3.763.090.908	5.405.614.086
Doanh thu cung cấp dịch vụ	111.818.182	1.223.263.264
Doanh thu bán hàng hóa	-	581.848.761
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>(2.177.110)</b>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>3.874.909.090</b>	<b>7.208.549.001</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan	2.180.727.270	3.988.909.086
Các bên khác	1.694.181.820	3.219.639.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. DOANH THU (tiếp theo)**

**14.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.652.000.000	12.611.120.000
Lãi tiền gửi	2.142.850.563	1.217.649.277
Khác	34.293.946	59.774.697
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.829.144.509</u></b>	<b><u>13.888.543.974</u></b>

**15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá vốn cho thuê	1.135.488.774	3.123.576.706
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	502.570.058
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	398.896.984
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.135.488.774</u></b>	<b><u>4.025.043.748</u></b>

**16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(874.188.790)	(1.667.368.800)
Khác	-	39.323
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(874.188.790)</u></b>	<b><u>(1.667.329.477)</u></b>

**17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Chi phí lương	950.830.454	969.683.361
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 8)	104.960.000	396.449.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	226.089.944	189.204.248
Khác	164.511.795	90.866.493
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.446.392.193</u></b>	<b><u>1.646.203.874</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.135.488.774	4.025.043.748
Chi phí lương	950.830.454	969.683.361
Chi phí khấu hao ( <i>Thuyết minh số 8</i> )	104.960.000	396.449.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	226.089.944	202.399.468
Chi phí khác	546.554.895	101.746.541
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.963.924.067</u></b>	<b><u>5.695.322.890</u></b>

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ bằng 20% thu nhập chịu thuế (2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**19.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>26.348.284.976</b>	<b>17.081.748.583</b>
<b>Các khoản điều chỉnh:</b>		
Các khoản thanh toán không liên quan đến thu nhập chịu thuế	346.191.351	332.172.796
Cổ tức nhận được	(22.652.000.000)	(12.611.120.000)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính</b>	<b>4.042.476.327</b>	<b>4.802.801.379</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>808.495.265</b>	<b>1.056.616.303</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	1.013.363.556	5.719.504.596
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.250.237.043)	(6.109.613.316)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b><u>571.621.778</u></b>	<b><u>666.507.583</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Cổ tức	19.800.000.000	7.920.000.000
		Cho thuê văn phòng	228.000.000	2.036.181.816
		Cho vay	-	10.200.000.000
Ô tô Kim Thanh	Công ty con	Thu hồi khoản cho vay	3.000.000.000	-
		Cổ tức	2.852.000.000	2.852.000.000
		Cho vay	-	9.000.000.000
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Thu hồi khoản cho vay	44.500.000.000	19.600.000.000
		Cho vay	25.000.000.000	18.000.000.000
		Cho thuê văn phòng	1.952.727.270	1.952.727.270
		Góp vốn	7.000.000.000	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và các lợi ích khác	<u>1.128.000.000</u>	<u>1.162.219.512</u>

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>				
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho thuê văn phòng	<u>358.000.000</u>	-
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>				
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho vay	<u>3.000.000.000</u>	<u>22.500.000.000</u>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**


Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Dưới 1 năm	2.640.000.000	2.520.000.000
Từ 1 đến 5 năm	2.420.000.000	3.570.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.060.000.000</b>	<b>6.090.000.000</b>

**22. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

  
\_\_\_\_\_  
Dương Thị Thanh Trúc  
Người lập

  
\_\_\_\_\_  
Đinh Thị Hồng Vân  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Yung Cam Meng  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016